

Bản án số: 207/2019/HS-ST
Ngày 25 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H,
TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Hương và bà Vũ Thị Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Ninh - là thư ký của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Lương Anh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 đối với hai bị cáo:

1. Trần Minh Đ - Tên gọi khác: V1 ghê; Sinh ngày: 02/01/1990, tại TP H, Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 5, khu 2, phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đình D1; Con bà: Đào Thị C1; Vợ: Nghiêm Thị Hồng N, có 02 con sinh năm 2010 và 2017; Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị bắt ngày 12/01/2019, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Xuân T1 - Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 23/9/1992, tại TP H, tỉnh Quảng Ninh; ĐKNKTT: Tổ 5, khu 2, phường G, TP H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 13, khu 7, phường B, TP H, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn H Palace; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân K1; Con bà: Vũ Thị H1; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt ngày 12/01/2019, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T2 – Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 27/12/1992, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 12, khu 7, phường X, TP H, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn V1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Q1; Vợ: Nguyễn Thị Q2 (đã ly hôn) – có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt ngày 11/01/2019, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa

4. Nguyễn Văn T3 – Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 13/8/1992, tại M tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 11, khu 7, phường X, TP H, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình D2; Con bà: Phạm Thị T4; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 18/02/2014 bị TAND TP H xử phạt 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt ngày 11/01/2019, hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa

* **Người làm chứng:** Hồ Đức S, Trần Thị Ngọc T5, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Hoàng T6, Nguyễn Hoàng H2, Vũ Hồng Q3, Nguyễn Thế H3, Ngô Đức T7, Vũ Văn V2, Trần Thị T8, Trần Thị P, Phạm Văn T9, Trần Đức L - vắng mặt; Chu Văn T10 – có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Đối với hành vi của Trần Minh Đ và Lê Xuân T1: Trần Minh Đ có quen một người thanh niên tên H4 (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê trọ ở khu vực Đường Y, Quận R, thành phố Hải Phòng. Đến khoảng giữa tháng 12/2018, qua nói chuyện Đ biết H4 có nguồn ma túy tổng hợp dạng “đá”, nên Đ đã nhiều lần mua ma túy của H3 tại phòng trọ của H4, lần ít nhất Đ mua 03 gam và lần nhiều nhất Đ mua 14 gam ma túy tổng hợp dạng “đá”, với giá 600.000 đồng/gam để sử dụng và bán cho nhiều người. Sau khi mua được ma túy, Đ đem về phòng trọ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H (là nơi Đ cùng với T1 thuê trọ) sử dụng một phần số còn lại dùng cân điện tử chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và cùng với Lê Xuân T1 bán cho Nguyễn Văn T2 nhiều lần và bán cho nhiều người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Buổi tối một ngày, cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, Đ gọi điện thoại cho Hồ Đức S, sinh năm 1987, trú tại: Tổ 5, Khu 3, phường B, thành phố H bảo S đến phòng trọ của Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H để xăm hình cho Đ, trong khi xăm hình cho Đ, S hỏi Đ mua 0,15gam ma túy Đá, Đ đồng ý thỏa thuận giá là 300.000 đồng. Sau đó Đ bảo T1 đem 0,15gam ma túy Đá bán cho S lấy 300.000 đồng.

Lần thứ hai: Buổi tối ngày 09/01/2019, Đ đang ở phòng trọ tại Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H, Nguyễn Văn T2 đến hỏi mua 02 gam ma túy Đá, Đ đồng ý thỏa thuận giá là 02 triệu đồng, nhưng T2 chưa có tiền nên Đ đồng ý cho T2 nợ, khi nào T2 bán được ma túy sẽ trả tiền cho Đ.

Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 10/01/2019, Đ nhận được điện thoại của T2 hỏi mua 02 gam ma túy Đá, Đ đồng ý thỏa thuận giá là 02 triệu đồng và bảo T2 đến phòng trọ của Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H gặp T1 để mua ma túy. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho T1 và bảo T1 đem 02 gam ma túy tổng hợp dạng “đá”, bán cho T2. Tại khu vực Ngân hàng BIDV thuộc phường G, thành phố H, T1 bán cho T2 02 gam ma túy Đá, với giá 02 triệu đồng, nhưng do chưa có đủ tiền, nên T2 trả trước

cho T1 01 triệu đồng và nợ lại 01 triệu đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/01/2019, Đ nhận được điện thoại của người thanh niên tên C3 (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 02 gam ma Đá, Đ đồng ý thỏa thuận giá là 02 triệu đồng và hẹn địa điểm giao ma túy cho C3 tại phòng trọ của Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho T1 và bảo T1 đem 02 gam ma túy Đá bán cho C3 lấy 02 triệu đồng.

Ngoài ra trước đó Đ còn bán cho T2 02 gam ma túy Đá với giá 02 triệu đồng, nhưng do chưa có đủ tiền, nên T2 trả trước cho Đ 01 triệu đồng và nợ lại 01 triệu đồng. Tổng cộng T2 thừa nhận còn nợ Đ tổng số tiền là 04 triệu đồng mua ma túy.

Đêm ngày 10/01/2019, T1 nhận được điện thoại của Phạm Quốc K2, sinh năm 1996, trú tại: Tổ 2, Khu Nam Thạch B, phường C4, thành phố C5, tỉnh Quảng Ninh, hỏi mua 0,15gam ma túy Đá, T1 đồng ý thỏa thuận giá là 300.000 đồng và hẹn địa điểm giao cho K2 tại khu vực khách sạn H Place thuộc phường B, thành phố H. Sau đó, T1 đem 0,15gam ma túy Đá là ma túy Đ cho T1 để sử dụng bán cho K2 lấy 300.000 đồng.

* Đối với hành vi của Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T3: Sau khi mua được ma túy Đá của Trần Minh Đ và Lê Xuân T1 thì Nguyễn Văn T2 đem về cùng với Nguyễn Văn T3 sử dụng và bán cho nhiều người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 tuần trước khi bị bắt, T2 nhận được điện thoại của Chu Văn T10, sinh năm 1989, trú tại: Tổ 8, Khu 7, phường X, thành phố H, hỏi mua 200.000 đồng ma túy Đá, T2 đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy cho T10 tại quán game “bắn cá” ở Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H. Sau đó, T2 đem túi ma túy Đá bán cho T10 lấy 200.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào buổi chiều một ngày, cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, T3 đang ở quán game “bắn cá” tại Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H, Hoàng T6, sinh năm 1978, trú tại: Tổ 3, Khu 8, phường X, thành phố H, hỏi mua 200.000 đồng ma túy Đá. Tại đây, T3 đã bán cho T6 01 túi ma Đá lấy 200.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 10/01/2019, T2 nhận được điện thoại của Nguyễn Hoàng H2, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 2, Khu 8, phường X, thành phố H hỏi mua 200.000 đồng ma túy Đá, T2 đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy cho H2 tại khu vực ngã tư Thành Công thuộc phường X, thành phố H. Sau đó, T2 đem túi ma túy Đá bán cho H2 lấy 200.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 11/01/2019, T3 nhận được điện thoại của người thanh niên tên C2 (không rõ lai lịch, địa chỉ, còn gọi là C2 Q4) hỏi mua 0,2 gam ma túy Đá, T3 đồng ý thỏa thuận giá là 400.000 đồng và hẹn địa điểm giao ma túy cho C2 tại khu vực cửa quán game “bắn cá” ở Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H. Sau đó, T3 lấy túi ma túy Đá mà T2 đưa trước đó san ra khoảng 0,2 gam và đem bán cho C2 lấy 400.000 đồng. Sau đó T2 đến quán bắn cá thì T3 đưa cho T2 số tiền 400.000đ vừa bán ma túy cho C2.

Lần thứ năm: Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 11/01/2019, T2 nhận được điện

thoại của người thanh niên tên C6 (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 200.000 đồng ma túy Đá, Tú đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy cho Cường tại khu vực cửa quán game “bắn cá” ở Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H. Sau đó, T2 bảo T3 đem túi ma túy khoảng 0,1 gam bán cho C6 lấy 200.000 đồng.

Lần thứ sáu: Buổi trưa ngày 11/01/2019, T2, T3 đang ở quán game “bắn cá” tại Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H, Vũ Hồng Q3, sinh năm 1986, trú tại: Tổ 51, Khu 4A, phường X, thành phố H, hỏi Tú mua 100.000 đồng ma túy Đá, T2 đồng ý bán, nhưng do trước đó T2 đã đưa túi ma túy cho T3, nên T2 bảo T3 xúc ma túy bán cho Q3 lấy 100.000 đồng, nhưng Q3 không cầm và bảo T3 đưa cho Chu Văn T10 cầm túi ma túy. Sau đó, Vũ Hồng Q3, Nguyễn Văn T2 cùng nhau sử dụng.

Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra quán game “bắn cá” phát hiện bắt quả tang, thu giữ của Nguyễn Văn T3 01 túi nilon, kích thước (04x04)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng T3 khai là ma túy do T2 đưa cho T3 để bán, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3; thu tại cửa sổ thông gió trong phòng vệ sinh của quán game “bắn cá” 01 bộ sử dụng ma túy đá. Tại thời điểm kiểm tra còn có mặt Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thế H3, Ngô Đức T7, Vũ Văn V2, Nguyễn Hoàng H2, Hoàng T6, Trần Thị T8, Phạm Văn T9, Trần Đức L và Trần Thị P. Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu nước tiểu của T2, T3, Q3, T10, H3, T7, V2, H2, T6, T8, T9, L và P, để giám định.

Căn cứ tài liệu điều tra cùng ngày 11/01/2019, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T2 thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 1.500.000 đồng.

Vào hồi 22 giờ ngày 11/01/2019 Cơ quan điều tra căn cứ tài liệu điều tra đã tiến hành kiểm tra phòng trọ của Trần Minh Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H đã thu giữ của Trần Minh Đ 01 hộp giấy bên trong có 01 túi nilon kích thước (03x05)cm và 02 túi nilon kích thước (02x02)cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng Đ khai là ma túy Đá dùng để bán; 01 cân điện tử màu đen; 01 bộ sử dụng ma túy đá và 12 triệu đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony, 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mặt trước màu bạc; Thu giữ của Lê Xuân T1 02 túi nilon kích thước (02x02)cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng T1 khai là ma túy Đá mà Đ đưa cho T1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 01 triệu đồng. Tại thời điểm kiểm tra phòng trọ của Trần Minh Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H còn có mặt Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2 và Trần Thị Ngọc T5. Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu nước tiểu của Đ, T1, S, K2, C2 và T5, để giám định. Ngày 12/01/2019 Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp đối với Trần Minh Đ và Lê Xuân T1.

Tại Bản kết luận giám định số 201/GĐMT ngày 17/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 01

túi nilon ghi thu của Nguyễn Văn T3 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,492gam.

Tại Bản kết luận giám định số 202/GĐMT ngày 17/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 03 túi nilon ghi thu của Trần Minh Đ gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,777gam; chất tinh thể màu trắng có trong 02 túi nilon ghi thu của Lê Xuân T1 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,58gam.

Tại Bản kết luận giám định số 203 và 204/GĐMT ngày 18/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Minh Đ, Nguyễn Văn T2, Lê Xuân T1, Nguyễn Văn T3, Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Trần Thị Ngọc T5, Vũ Hồng Q3, Nguyễn Thế H3, Ngô Đức T7, Vũ Văn V2, Nguyễn Hoàng H2, Chu Văn T10 và Hoàng T6 gửi giám định có ma túy, loại Methamphetamine. Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Thị T8, Phạm Văn T9, Trần Đức L, Trần Thị P, gửi giám định không có ma túy.

Người làm chứng chị Trần Thị T8, Trần Thị P, anh Phạm Văn T9, Trần Đức L, Vũ Hồng Q3, Nguyễn Thế H3, Ngô Đức T7, Vũ Văn V2, Nguyễn Hoàng H2, Chu Văn T10 và Hoàng T6 có lời khai: Vào hồi 17 giờ 20 phút tại quán game “bắn cá” tại Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H, các người làm chứng nói trên chứng kiến việc công an kiểm tra thu giữ trong người Nguyễn Văn T3 01 gói nilon chứa chất tinh thể màu trắng mà T3 tự khai là ma túy đá và thu trong nhà vệ sinh của quán 01 bộ sử dụng ma túy đá. Chị T8 và chị P còn có lời khai các chị là người quản lý và trông coi quán game “bắn cá”. Các chị không biết việc khách đến chơi game mang ma túy đến để sử dụng trong nhà vệ sinh của quán.

Những người làm chứng anh Vũ Hồng Q3, Nguyễn Thế H3, Nguyễn Hoàng H2, Chu Văn T10 và Hoàng T6 có lời khai phù hợp thể hiện phù hợp với nội dung vụ án về thời gian, địa điểm và hành vi đã từng mua ma túy đá của các bị cáo T3 và T2. Chu Văn T10 tại phiên tòa có lời khai sau khi nhận ma túy từ T3 đã đưa cho Q3 mang vào nhà vệ sinh của quán game để sử dụng, T10 chưa kịp sử dụng thì công an đến kiểm tra.

Người làm chứng anh Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Trần Thị Ngọc T5 có lời khai: Vào khoảng 22 giờ, ngày 11/01/2019 tại phòng trọ của Trần Minh Đ ở Tổ 5, Khu 7, phường B, thành phố H, những người làm chứng đã chứng kiến việc Công an kiểm tra phòng trọ và thu giữ ma túy đá của Đ và T1, tiền và các tài sản khác như nội dung vụ án nêu trên. Ngoài ra những người làm chứng còn có lời khai khi đến phòng trọ của Trần Minh Đ thì họ tự sử dụng ma túy đá chứ Đ không mời và cũng không biết việc họ sử dụng ma túy đá. Ngoài ra K2 và S còn có lời khai thừa nhận đã từng mua ma túy đá của Đ và T1 phù hợp với nội dung vụ án.

Cáo trạng số 142/CT-VKSHL, ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trần Minh Đ về tội “Mua bán trái

phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2, điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Lê Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm b, i khoản 2, điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh Đ mức án từ 07 năm đến 08 năm tù; Áp dụng điểm b khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo còn lại mức án từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù. Căn cứ khoản 1, điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy ma túy, 01 cân tiểu ly và 02 bộ sử dụng ma túy đá là tang vật của vụ án, tịch thu phát mại xung công quỹ toàn bộ số điện thoại di động thu của các bị cáo, tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền liên quan đến mua bán ma túy đã thu của các bị cáo, trả lại cho các bị cáo số tiền không liên quan đến mua bán ma túy nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, trả lại bị cáo T3 01 chứng minh nhân dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Minh Đ, Lê Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 có lời khai nhận tội phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung vụ án đã tóm tắt ở trên, phù hợp với lời khai của những đối tượng đã mua ma túy của các bị cáo là: Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Vũ Hồng Q3, Nguyễn Thế H3, Nguyễn Hoàng H2, Chu Văn T10 và Hoàng T6.

Bị cáo Đ và T2 đều có lời khai trước đó (không nhớ rõ thời điểm), T2 có mua 02 gam ma túy đá của Đ và nợ lại 01 triệu đồng, cộng với số tiền T2 nợ Đ trong hai vụ mua ma túy ngày 09/01/2019 nợ 02 triệu đồng và 10/01/2019 nợ 01 triệu đồng, nên tổng số tiền T2 còn nợ Đ là 04 triệu đồng.

Đối với vụ mua bán ma túy vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/01/2019 giữa Đ, T1 bán cho đối tượng tên C7 không rõ lai lịch địa chỉ nên không có lời khai của C7. Tuy nhiên do Đ và T1 đồng phạm giúp sức nhau trong việc bán ma túy cho C7, Đ và T1 có lời khai phù hợp nhau nên có thể coi lời khai của bị cáo này là chứng cứ khách quan phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo kia và ngược lại nên xét thấy đủ căn cứ kết tội các bị cáo.

Tương tự đối với hai vụ mua bán ma túy vào khoảng 11 giờ ngày 11/01/2019 T3 bán ma túy cho đối tượng C2 Q4 và 11 giờ 15 phút cùng ngày T3 bán ma túy cho C6 tại quán game ‘bắn cá’. Tuy không xác định được đối tượng tên C2 và C6 nhưng do T3 và T2 đồng phạm giúp sức nhau trong việc bán ma túy, T3 và T2 có lời khai phù hợp nhau nên có thể coi lời khai của bị cáo này là chứng cứ khách quan phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo kia và ngược lại nên xét thấy đủ căn cứ kết tội các bị cáo.

Vụ mua bán ma túy vào buổi chiều một ngày, cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, T3 bán ma túy cho Hoàng T6 tại quán game “bắn cá” tại Tổ 6, Khu 6, Phường Y, thành phố H. Tại phiên tòa bị cáo T3 khai có bán ma túy cho T6 phù hợp với lời khai của Hoàng T6, bị cáo T2 khai báo không nhớ sự việc này. Tuy nhiên bị cáo T3 khai là T3 chỉ bán ma túy cho T2, tất cả tiền bán ma túy đều đưa lại cho T2 nên buộc T2 phải chịu trách nhiệm đồng phạm với T3 trong việc bán ma túy cho T6.

Hai bị cáo Đ và T1 là đồng phạm trong việc bán ma túy trong đó Đ đóng vai trò chủ mưu, là người tổ chức nên phải chịu trách nhiệm về toàn bộ lượng ma túy cả hai cùng bán ra. T1 là người giúp sức cho Đ, bán ma túy theo sự chỉ đạo của Đ nên chỉ phải chịu trách nhiệm đối với lượng ma túy T1 tham gia bán. Riêng đối với hành vi bán ma túy cho Phạm Quốc K2, bị cáo T1 có lời khai là ma túy mà T1 bán cho K2 là ma túy Đ cho T1 để sử dụng nhưng T1 mang bán, Đ không tham gia và không biết nên Đ không phải chịu trách nhiệm đồng phạm cùng T1 trong hành vi bán ma túy này. Tương tự T2 và T3 là đồng phạm trong đó T2 là người cầm đầu, là người tổ chức nên phải chịu trách nhiệm về toàn bộ lượng ma túy cả hai đã bán, T3 phải chịu trách nhiệm về lượng ma túy mà T3 tham gia bán.

Theo hướng dẫn tại điểm e, điều 3.3, mục II, Thông tư liên tịch số:17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 thì hành vi tàng trữ ma túy với mục đích để bán lại kiếm lời là hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

[2] Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2018, đến ngày 11/01/2019, tại thành phố H, Trần Minh Đ và Lê Xuân T1 đã nhiều lần bán ma túy và tàng trữ với mục đích để bán ma túy loại Methamphetamine cho nhiều người, trong có Nguyễn Văn T2. Bị cáo T2 sau khi mua được ma túy lại cùng Nguyễn Văn T3 bán lại cho nhiều người khác, cụ thể:

Bị cáo Đ đã bán cho S (0,15gam giá 300.000đ), T2 03 lần (06 gam giá 06 triệu đồng nhưng T2 còn nợ 04 triệu đồng), C7 (02 gam giá 02 triệu đồng), tàng trữ để bán 0,777 gam và 0,58 gam (thu giữ của T1). Vậy tổng lượng ma túy Đ đã bán và tàng trữ để bán cho nhiều người, nhiều lần là 9,507 gam thu số tiền 4.300.000đ nên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự;

Bị cáo T1 bán cho S (0,15gam giá 300.000đ), T2 01 lần (02 gam giá 02 triệu đồng nhưng T2 còn nợ 01 triệu đồng), C7 (02 gam giá 02 triệu đồng), K2 (0,15 gam giá 300.000đ), tàng trữ để bán 0,58 gam. Vậy tổng lượng ma túy T1 đã bán và tàng trữ để bán cho nhiều người, nhiều lần là 4,88 gam thu số tiền 1.600.000đ nên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự;

Bị cáo T2 bán ma túy cho T10 (01 lần thu 200.000đ), cho T6 (01 lần thu 200.000đ), cho H2 (01 lần thu 200.000đ), cho C2 (01 lần, 0,2 gam thu 400.000đ), cho C6 (01 lần, 0,1 gam thu 200.000đ), cho Q3 và T10 (01 lần thu 100.000đ), tàng trữ để bán 0,492 gam (thu giữ của T3). Như vậy T2 bán ma túy nhiều lần cho nhiều người

thu tổng số tiền là 1.300.000đ, tổng khối lượng ma túy đã bán và tàng trữ với mục đích để bán xác định được là 0,792 gam nên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự;

Bị cáo T3 bán ma túy cho cho T6 (01 lần thu 200.000đ), cho C2 (01 lần thu 400.000đ), cho C6 (01 lần thu 200.000đ), cho Q3 và T10 (01 lần thu 100.000đ). Như vậy T3 bán ma túy nhiều lần cho nhiều người thu tổng số tiền là 900.000đ, tổng khối lượng ma túy đã bán và tàng trữ với mục đích để bán xác định được là 0,792 gam nên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự;

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”...

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới sự độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chúng ta đều biết ma túy là chất gây nghiện độc hại phá hủy trực tiếp hệ thần kinh trung ương của người sử dụng, làm cho họ phụ thuộc vào chất ma túy, hủy hoại sức khỏe của những người sử dụng làm cho họ dần dần không còn khả năng lao động và sinh sống bình thường. Việc sử dụng ma túy tổng hợp còn làm cho người sử dụng bị ảo giác, hoang tưởng, người sử dụng không thể điều khiển được hành vi của mình và có thể dẫn đến các hành vi nguy hiểm cho bản thân và cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy nhưng đã bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật, mua và bán lại chất ma túy cho người khác góp phần làm lan tràn tệ nạn ma túy. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: cả bốn bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ có bố đẻ là thương binh, được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương trong kháng chiến nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Ba bị cáo Đ, T1, T2 đều phạm tội lần đầu cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo .

[6] Xét về vai trò của từng bị cáo thấy rằng Đ và T1 là đồng phạm trong đó Đ là chủ mưu giữ vai trò đầu, T1 chỉ là người giúp sức, bán ma túy theo sự chỉ đạo của

Đ nên giữ vai trò sau. Đ giữ vai trò đầu, phạm hai tình tiết định khung tại khoản 2 điều 251 nhưng phạm tội lần đầu, có bố đẻ là thương binh, được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương trong kháng chiến. Tương tự T2 và T3 là đồng phạm trong đó T2 là chủ mưu giữ vai trò đầu, T3 là người giúp sức, bán ma túy theo sự chỉ đạo của T2 nên giữ vai trò sau nhưng T2 phạm tội lần đầu, T3 lại có nhân thân xấu, từng bị xét xử về cùng tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Như vậy xem xét cân đối hình phạt cả bốn bị cáo mức án bằng nhau là đảm bảo tính công bằng.

[7]. Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo là đối tượng nghiện ngập, không có tài sản, thu nhập gì nên không phạt tiền bị cáo.

[8]. Về vật chứng: Lượng ma túy gửi giám định hoàn lại 1,54 gam Methamphetamine là chất nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; 01 cân điện tử, 02 bộ sử dụng ma túy đã không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. 05 chiếc điện thoại thu của bị cáo Đ, 02 điện thoại thu của bị cáo T1 và 01 điện thoại thu của bị cáo T2, các bị cáo đều có lời khai là sử dụng điện thoại để giao dịch mua bán ma túy nên tịch thu, phát mại xung công quỹ nhà nước. Số tiền 12 triệu đồng thu của bị cáo Đ, bị cáo khai có 5.000.000đ là tiền bán ma túy mà có nên tịch thu xung công quỹ, số tiền 7.000.000đ còn lại bị cáo khai là tiền riêng của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 1.000.000đ thu của bị cáo T1, bị cáo khai là tiền riêng của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 1.500.000đ thu của bị cáo T2, bị cáo khai là tiền bán ma túy mà có nên tịch thu xung công quỹ. 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3 là giấy tờ tùy thân nên trả lại bị cáo.

[9] Bị cáo Đ bán ma túy thu tổng số tiền 4.300.000đ nên cần truy thu của bị cáo xung công quỹ, tuy nhiên đã tịch thu số tiền 5.000.000đ bị cáo khai là bán ma túy mà có nên không truy thu. Bị cáo T2 bán ma túy thu tổng số tiền 1.300.000đ nên cần truy thu của bị cáo xung công quỹ, tuy nhiên đã tịch thu số tiền 1.500.000đ bị cáo khai là bán ma túy mà có nên không truy thu. Bị cáo T1 và T3 bán ma túy thu được tiền đều đưa lại cho Đ và T2 nên không truy thu. Riêng số tiền 300.000đ T1 bán ma túy cho K2 không liên quan đến Đ nên cần truy thu số tiền này của T1.

[10] Đối với đối tượng tên H4 mà theo Đ khai là người đã bán ma túy cho Đ; các thanh niên tên C7, C2 và C6 đã mua ma túy của Đ, T2, T1 và T3. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ, cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý nên không xem xét.

Đối với Trần Minh Đ còn có hành vi sử dụng và để cho các đối tượng Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Trần Thị Ngọc T5 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ. Nhưng Đ khai không biết việc các đối tượng kia sử dụng ma túy tại phòng trọ của mình. Các đối tượng Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Trần Thị Ngọc T5 cũng có lời khai họ tự ý sử dụng ma túy chứ Đ không mời và không biết việc họ sử dụng ma túy, hành vi Đ cho T1 sử dụng ma túy là việc Đ trả công cho T1

đã bán ma túy cho Đ nên không đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tội chứa chấp người sử dụng trái phép chất ma túy đối với Đ.

Giám định nước tiểu của Hồ Đức S, Phạm Quốc K2, Hoàng Chí C2, Trần Thị Ngọc T5, Nguyễn Thế H3, Ngô Đức T7, Vũ Văn V2, Nguyễn Hoàng H2, Chu Văn T10 và Hoàng T6 có ma túy loại Methamphetamine nhưng không xác định được các đối tượng sử dụng ma túy ở đâu và thời gian nào nên Công an đã xử phạt hành chính đối với các đối tượng.

Trần Thị T8, Trần Thị P là người quản lý và trông coi quán game “bắn cá”, không biết việc T2 và T3 sử dụng quán game làm địa điểm mua bán ma túy, không biết việc khách đến chơi game mang ma túy đến để sử dụng trong nhà vệ sinh của quán nên không đủ cơ sở xử lý.

[11]. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hai các bị cáo, các điều tra viên, kiểm sát viên cơ bản đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền và nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng, không có quyết định tố tụng, hành vi tố tụng nào bị khiếu nại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b, i Khoản 2 Điều 251, Điểm s, Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Minh Đ** 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 12/01/2019.

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 251, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Lê Xuân T1** 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 12/01/2019.

Nguyễn Văn T2 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 11/01/2019

Nguyễn Văn T3 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 11/01/2019

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 1,54 gam Methamphetamine trong 02 phong bì niêm phong số 201/GĐMT, 202/GĐMT , 01 cân điện tử mi ni màu đen, 02 bộ sử dụng ma túy. Tịch thu phát mại xung công 08 chiếc điện thoại, tịch thu xung công quỹ số tiền 6.500.000đ. Trả lại bị cáo T1 số tiền 1.000.000đ và bị cáo Đ số tiền 7.000.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng số: 186/BB-THA; ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H). Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T3 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3. Truy thu của bị cáo Lê Xuân T1 số tiền 300.000đ xung công quỹ nhà nước.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- VKS; CA Tp H;
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp
- THA dân sự Tp H;
- Bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Quang Vinh